

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

1. **Đặng Kim Khôi, Nguyễn Đình Đạo và Nguyễn Đỗ Anh Tuấn** - Ảnh hưởng của niềm tin và vốn xã hội đến khả năng tiếp cận và lựa chọn tín dụng ở nông thôn Việt Nam. **Mã số: 122.1GEMg.11** 2  
*The Impact of Trust and Social Capital on the Access and Credit Choice in Rural Vietnam*
2. **Lê Bách Giang** - Một số giải pháp phát huy lợi thế cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng. **Mã số: 122.1DEco.12** 15  
*Solutions to Promote the Competitive Advantage of Da Nang city*
3. **Hee-Cheol MOON, Jae-Eun CHUNG and Kyung-Hye PARK** - The Effect of the 4th Industrial Revolution Technologies on Supply Chain Innovation in Korean Trading Companies  
*Tác động của công nghệ cách mạng công nghiệp 4.0 với đổi mới chuỗi cung ứng tại các công ty thương mại Hàn Quốc. Mã số: 1.IIEM.11* 26

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

4. **Nguyễn Thị Ngọc Lan** - Tác động của các yếu tố quản trị công ty đến quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: 122.2BAdm.22** 37  
*The Influence of Corporate Governance Factors on Profit Management of Listed Companies in Vietnam*
5. **Nguyễn Thu Hương và Lê Trịnh Minh Châu** - Xác định các yếu tố về nguồn lực, năng lực cung ứng, kết quả cung ứng của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong chuỗi cung ứng sản phẩm cơ khí. **Mã số: 122.2BMkt.21** 47  
*Determining the Factors of Resources, Supply Capacity and Supply Results of Supporting Industries in Vietnam in the Supply Chain of Mechanical Product*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

---

6. **Nguyễn Thị Nguyệt Quế và Trần Hà Minh Quân** - Nghiên cứu về ảnh hưởng của học hỏi khai thác đến kết quả làm việc của giảng viên trong môi trường giáo dục đại học ở Việt Nam. **Mã số: 122.3OMIs.32** 60  
*Study on the Effect of Exploitation Learning on the Performance of Lecturers in Higher Education Setting in Vietnam*

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Lê Bách Giang**

Trường Cao đẳng Kinh tế kế hoạch Đà Nẵng

Email: bachgiang0776@yahoo.com

**Ngày nhận:** 13/09/2018

**Ngày nhận lại:** 03/10/2018

**Ngày duyệt đăng:** 09/10/2018

Đà Nẵng là một trong số ít địa phương cấp tỉnh có sự phát triển năng động hàng đầu ở Việt Nam. Trong quá trình phát triển, Đà Nẵng được đánh giá là một nơi có tiềm năng, thế mạnh vượt trội so với nhiều địa phương khác ở ven biển miền Trung. Là thành phố cảng biển xuất hiện từ rất sớm, lại có sân bay quốc tế và có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật vượt trội, nơi tập trung nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hội tụ nhiều nhân lực chất lượng cao, điều kiện sống mang lại nhiều ưu điểm đến mức rất nhiều người mong muốn về Đà Nẵng sinh sống. Tuy nhiên những lợi thế đó đã được đánh giá và phát huy hiệu quả hay chưa vẫn là một câu hỏi cho những nhà quản lý. GRDP/người của thành phố Đà Nẵng chỉ bằng khoảng 1,2 lần của các địa phương lân cận và chỉ chiếm hơn 1% nền kinh tế quốc gia (chưa tương xứng với vị trí, vị thế, tiềm năng thế mạnh của thành phố). Làm thế nào để phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của Đà Nẵng để thành phố này xứng đáng là “nơi đáng sống nhất Việt Nam” đang là vấn đề cần được làm rõ, tạo thêm căn cứ khoa học để Chính quyền thành phố hoạch định chủ trương, đường lối phát triển kinh tế và đưa ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời trong việc phát huy lợi thế cạnh tranh, huy động được nguồn lực để hiện đại hóa thành phố trong bối cảnh toàn cầu hóa, tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa:** phát huy, lợi thế cạnh tranh, Đà Nẵng.

## 1. Cơ sở lý luận

### 1.1. Khái niệm

Có nhiều định nghĩa về lợi thế cạnh tranh nhưng định nghĩa về lợi thế cạnh tranh tỉnh (hoặc một vùng, địa phương - không phải quốc gia) lại chưa thực sự rõ ràng mặc dù chưa nói đến tính chính xác của các thuật ngữ vì những học giả khác nhau đứng trên những quan điểm khác nhau sẽ có định nghĩa khác nhau. *Cạnh tranh* (competitiveness) của một quốc gia, một ngành kinh tế, hay một sản phẩm là một vấn đề quan tâm hàng đầu của Chính phủ và các doanh nghiệp khi bước vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cạnh tranh là

động lực, là một trong những nguyên tắc cơ bản, tồn tại khách quan và không thể thiếu được của sản xuất hàng hóa.

Porter không đưa ra định nghĩa cụ thể cho Lợi thế cạnh tranh. Porter cho rằng Chiến lược cạnh tranh tập trung vào các ngành kinh doanh còn Lợi thế cạnh tranh chủ yếu nói về công ty và doanh nghiệp. Lợi thế cạnh tranh chủ yếu được xác định và xây dựng đối với ngành hoặc doanh nghiệp.

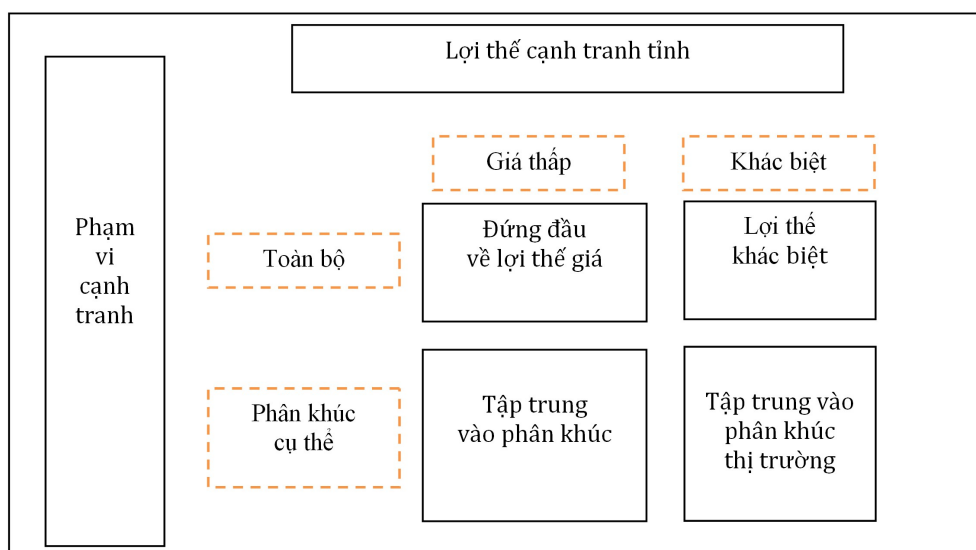
Theo từ điển Wikipedia, lợi thế cạnh tranh (competitive advantage) là sở hữu của những giá trị đặc thù, có thể sử dụng được để “nắm bắt cơ hội”, để kinh doanh có lãi. Khi nói đến lợi thế cạnh

tranh, là nói đến lợi thế mà một doanh nghiệp, một quốc gia đang có và có thể có, so với các đối thủ cạnh tranh của họ. Lợi thế cạnh tranh là một khái niệm vừa có tính vi mô (cho doanh nghiệp, sản phẩm), vừa có tính vĩ mô (ở cấp quốc gia).

### 1.2. Xác định lợi thế cạnh tranh tỉnh

Đối với vai trò riêng của địa điểm đối với Lợi thế cạnh tranh, Porter đề cập đến Lợi thế cạnh tranh quốc gia. Đối với quốc gia, Porter cho rằng lợi thế cạnh tranh được tạo ra và duy trì thông qua một quá trình địa phương hóa cao độ. *Yếu tố cấu thành và tác động đến lợi thế cạnh tranh quốc gia cũng tương tự như đến lợi thế cạnh tranh vùng/tỉnh.*

trò đáng kể vì nước này là nguồn cung cấp các kỹ năng và công nghệ là nền tảng cho cạnh tranh. Vị trí địa lý của việc đặt trụ sở mà ở đó những lợi thế cạnh tranh thiết yếu của một doanh nghiệp được tạo ra và duy trì. Đó là nơi một doanh nghiệp xây dựng chiến lược cũng như thiết kế và duy trì sản phẩm nòng cốt và công nghệ xử lý, từ đó hình thành nên lợi thế cạnh tranh của vùng/tỉnh đó. Thay vì chỉ sử dụng các yếu tố sản xuất cố định, vấn đề quan trọng là làm thế nào để các doanh nghiệp và tỉnh **cải thiện được chất lượng** các yếu tố đó, **nâng cao năng suất** với những gì họ đã sử dụng và tạo ra những cái mới.



Nguồn: [4]

**Hình 1:** Các yếu tố tác động đến lợi thế cạnh tranh

Những điểm khác biệt trong cơ cấu kinh tế quốc dân, các giá trị, văn hóa, thể chế và lịch sử đều góp phần tạo nên sự thành công trong cạnh tranh. Vai trò của vị trí địa lý trong việc đặt trụ sở dường như trở nên vững chắc hơn bao giờ hết. Mặc dù sự toàn cầu hóa trong cạnh tranh khiến cho thế giới có vẻ “phẳng”, vị trí có thể trở nên kém quan trọng hơn nhưng sự thực thì hoàn toàn ngược lại. Vị trí đặt trụ sở, với ít rào cản thương mại hơn để che chở cho các doanh nghiệp và ngành công nghiệp nội địa không có tính cạnh tranh, ngày càng có vai

Porter cho rằng một quốc gia hay tỉnh có các yếu tố sau quyết định lợi thế cạnh tranh:

- *Các điều kiện về yếu tố sản xuất:* Vị thế của quốc gia về các yếu tố sản xuất đầu vào như lao động được đào tạo hay cơ sở hạ tầng, cần thiết cho cạnh tranh trong một ngành công nghiệp nhất định.

- *Các điều kiện cấu:* Đặc tính của cấu trúc trong nước đối với sản phẩm hoặc hàng hóa của ngành đó *Các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan:* sự tồn tại hay thiếu hụt những ngành công nghiệp

phụ trợ và liên quan có tính cạnh tranh quốc tế ở quốc gia đó.

Các tỉnh có khả năng thành công nhất trong những ngành hay phân ngành, trong mô hình của Porte [4] thì sự phối hợp các nhân tố quyết định như là một hệ thống, có triển vọng nhất. Điều này không hàm ý việc tất cả các doanh nghiệp trong tỉnh hay thậm chí quốc gia đó đều sẽ giành được lợi thế cạnh tranh trong ngành công nghiệp đó. Trên thực tế, môi trường cấp tỉnh ngày càng năng động, thì càng nhiều khả năng sẽ có các doanh nghiệp ít thua lỗ, bởi vì không phải tất cả doanh nghiệp đều có cùng kỹ năng và nguồn lực hay khai thác môi trường quốc gia tốt như nhau. Nhưng những công ty nổi lên như thế sẽ thành công trong cạnh tranh quốc tế và những công ty không thích ứng kịp sẽ bị sáp nhập hoặc phá sản.

Thêm hai biến số có thể ảnh hưởng đến hệ thống quốc gia theo những cách rất quan trọng, và chúng cần thiết để hoàn thành lý thuyết này, đó là các sự kiện khách quan và chính phủ. Các sự kiện khách quan là những sự phát triển nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp (và thường là cả chính phủ của các quốc gia) như những phát minh về lý thuyết, những đột phá trong công nghệ cơ bản, chiến tranh, sự phát triển chính trị bên ngoài và sự chuyển hướng nhu cầu chính ở thị trường nước ngoài. Chúng tạo ra những gián đoạn có thể phá bỏ hoặc định hình lại cấu trúc công nghiệp và đem đến cơ hội cho các doanh nghiệp của một nước hắt cẳng doanh nghiệp nước khác. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch lợi thế cạnh tranh trong nhiều ngành công nghiệp. Hơn nữa các yếu tố này rất khó kiểm soát để các ngành có thể quản lý hoặc điều phối. Nhiều khi đó chỉ là sự ngẫu nhiên mang lại lợi thế cho ai đó hoặc ngược lại.

Yếu tố cuối cùng cần thiết để nhận định các yếu tố quyết định lợi thế cạnh tranh là chính phủ. Chính phủ ở mọi cấp độ, có thể cải thiện hoặc làm giảm lợi thế quốc gia. Vai trò này nhìn thấy rõ nhất khi xem xét ảnh hưởng đến cạnh tranh trong nước. Quy định có thể thay đổi các điều kiện cầu nội địa. Đầu tư vào giáo dục có thể thay đổi các điều kiện

yếu tố đầu vào. Chi tiêu của chính phủ có thể thúc đẩy các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan. Những chính sách được thực thi mà không xem xét đến những ảnh hưởng của chúng lên toàn bộ hệ thống các nhân tố quyết định có thể làm xói mòn lợi thế quốc gia cũng như có thể phát triển nó. Chính phủ sử dụng các công cụ của mình như bàn tay hữu hình can thiệp vào mọi yếu tố nếu thấy cần thiết và đồng thời có thể làm méo mó hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành có lợi thế.

### **1.3. Tiêu chí xác định lợi thế cạnh tranh tỉnh**

Để đánh giá lợi thế cạnh tranh cấp tỉnh, cần đặt ra các thang bậc để đo lường đối với các dấu hiệu đã được nhận dạng. Với các dấu hiệu trên, tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá mà đo lường dấu hiệu lợi thế cạnh tranh để phát huy.

*Một là, mức độ lợi thế về vị trí địa kinh tế*

Bao gồm hệ thống giao thông, có/không có hệ thống quốc lộ, cảng (biển), đường sắt (có ga đờ), sân bay (nội địa/quốc tế). Các yếu tố này đều tính bằng thời gian từ trung tâm đô thị đến thị trường tiềm năng. Vị trí địa lý còn tính tới là điểm kết nối hệ thống giao thông giữa các khu vực, điểm nút của cả hệ thống đặc biệt tới các thị trường lớn. Điều này đặc biệt quan trọng đối với sự kết nối giữa địa điểm sản xuất với thị trường, điểm thu hút du khách cũng như sự hấp dẫn của vị trí địa kinh tế mỗi địa phương.

Chỉ số cơ sở hạ tầng được xây dựng dựa trên điều tra khảo sát về chất lượng cơ sở hạ tầng tại địa phương và những dữ liệu thống kê được công bố bao gồm: khu công nghiệp, đường giao thông, các dịch vụ năng lượng và điện thoại, dịch vụ internet.

Cải thiện chất lượng hạ tầng cần nhiều nguồn lực. Bằng việc cải thiện chất lượng điều hành kinh tế, tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, thủ tục hành chính thông thoáng, nhiều địa phương có thể hạn chế những bất lợi, yếu kém của điều kiện hạ tầng. Cần lưu ý, những tỉnh vốn đang có sẵn những lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng phát triển thì có nguy cơ rơi vào “cái bẫy của lợi thế” khi cho rằng những dự án đầu tư đã và đang đổ vào địa phương là do chất lượng điều hành tốt, dẫn tới

lơ là và thiếu động lực trong thúc đẩy cải cách hơn nữa chất lượng điều hành.

*Hai là, mức độ lợi thế về tài nguyên thiên nhiên/tài nguyên nhân văn*

Trong các yếu tố về tài nguyên thiên nhiên là yếu tố đầu vào, thì đất đai là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Nếu đất đai chỉ đơn thuần dùng để sản xuất nông nghiệp thì không đem lại hiệu quả cao. Đất đai phải được sử dụng sao cho với mỗi đơn vị sử dụng đất đem lại hiệu quả, năng suất và dòng tiền cho phát triển. Do đó đất đai phải được phân chia rõ ràng, đất phi nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực. Đất đai bạc màu, trung du năng suất kém phải được chuyển đổi sang lĩnh vực khác hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất đai cũng rất quan trọng đối với các địa phương.

*Ba là, mức độ lợi thế về tài nguyên du lịch*

Không phải quốc gia, địa phương nào cũng có lợi thế về tài nguyên du lịch. Trong nền kinh tế mà lĩnh vực du lịch dịch vụ nổi lên như một yếu tố quan trọng trong cơ cấu kinh tế từng bước hiện đại thì đây là yếu tố lợi thế vô cùng quan trọng. Nó có thể là danh lam thắng cảnh; cũng có thể là lịch sử văn hóa; cũng có thể là rừng, là biển... nhưng đó phải là những nơi thu hút được khách du lịch đến, nghỉ và tiêu dùng. Việc phát triển về du lịch sẽ dẫn tới nền kinh tế có cơ cấu hiện đại và sự phát triển bền vững. Phát triển về du lịch cũng mang lại hiệu quả kinh tế rất cao. Tài nguyên này, lợi thế cạnh tranh này cần được đánh giá, khai thác hiệu quả nhất để mang lại những giá trị cao nhất. Tài nguyên này có thể do yếu tố tự nhiên hoặc cũng có thể do nhân tạo tùy thuộc vào việc mỗi địa phương vận hành nó ra sao.

*Bốn là, mức độ lợi thế về nguồn nhân lực*

Lợi thế về nguồn nhân lực vô cùng quan trọng trong việc quyết định và phát huy lợi thế cạnh tranh. Suy cho cùng yếu tố con người vẫn là yếu tố tạo nên sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp, quốc gia hay địa phương nào. Có được lợi thế về tài nguyên, nhưng không có yếu tố con người để phát huy thì những yếu tố về tài nguyên đó cũng

không có ý nghĩa trong việc hình thành lợi thế cạnh tranh cũng như sự thịnh vượng của các địa phương, doanh nghiệp.

Hiện nay tại Việt Nam, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư quan tâm đến chất lượng giáo dục phổ thông và đào tạo nghề. Lao động chất lượng thấp đòi hỏi đầu tư nhiều (8% tổng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp) trong khi tỷ lệ lao động dịch chuyển việc làm lại cao, có nghĩa là các nhà đầu tư trồng cây mà không được hưởng trái ngọt từ những nỗ lực đào tạo của mình. Tuy hiệu ứng lan tỏa này có thể có lợi đối với các công ty đầu tư nhiều vào đào tạo lao động để phục vụ cho sản xuất các sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao.

*Năm là, mức độ lợi thế về chất lượng điều hành và hiệu quả kinh tế*

Có mối quan hệ rõ ràng về mối quan hệ chặt chẽ giữa các nỗ lực cải thiện chất lượng điều hành của tỉnh với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư tạo cơ hội cho thị trường và tiếp đó thị trường tạo điều kiện cho doanh nghiệp mới hình thành. Những địa phương tập trung cải thiện chất lượng điều hành sẽ xây dựng được môi trường kinh doanh thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp.

Để thúc đẩy hoạt động kinh tế, các tỉnh chú trọng tăng cường chất lượng điều hành ở các khả năng tiếp cận đất đai, cải thiện tính minh bạch và chất lượng lao động, giảm thiểu các chi phí không chính thức.

Với những yếu tố kể trên có thể nhận dạng được lợi thế cạnh tranh của tỉnh này so với tỉnh khác để phát huy những lợi thế đó trong phát triển kinh tế, thu hút du khách, thu hút đầu tư nâng cao năng suất lao động tạo nguồn thu cho địa phương và cho người dân.

Ngoài các yếu tố kể trên có thể nhận thấy một vài yếu tố khác như năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, yếu tố hành chính công cấp tỉnh của Việt Nam để xem xét các yếu tố vượt trội, hơn kém của tỉnh này so với tỉnh khác.

**2. Thực trạng lợi thế cạnh tranh của Đà Nẵng**

**2.1. Tổng quan về Đà Nẵng**

Đà Nẵng nằm ở miền Trung của đất nước, cách Hà Nội 765 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam, nối với vùng Tây Nguyên qua Quốc lộ 14B và là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước Đông Bắc Á qua tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Đà Nẵng còn là điểm nối các tuyến giao thông quan trọng như

thế giới, gồm: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể di tích cố đô Huế và Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn; Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, Không gian văn hóa công điền Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Đà Nẵng còn là trung tâm tài chính - ngân hàng của miền Trung với trên 50 chi nhánh các ngân hàng; một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, trung tâm giáo dục - đào tạo và trung tâm y tế với nhiều bệnh viện chuyên khoa, chuyên ngành có trang thiết bị y tế hiện đại.

**Bảng 1:** Một số chỉ tiêu của Đà Nẵng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2010	2016	Tăng b/q năm 11-16, %
<b>1. Diện tích tự nhiên</b>	Ha	125.600	128.543	128.488	-
Đất nông nghiệp	Ha	11.700	7.946	6.361	-3,0
Đất chuyên dùng	Ha	38.600	40.794	43.690	1,2
Đất ở	Ha	3.100	6.088	7.810	3,65
Đất lâm nghiệp có rừng	Ha	51.400	73.715	70.627	-
<b>2. Dân số</b>	<b>Người</b>		<b>922.712</b>	<b>1.074.100</b>	<b>2,20</b>
Nhân khẩu đô thị	Người		802.445	939.750	2,3
% so dân số chung	%		86,9	87,5	-
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người		454.858	584.310	3,8
% so dân số	%		49,3	54,4	-

Nguồn: Tổng hợp từ [9]

Quốc lộ 1A, đường sắt liên vận quốc tế Trung Quốc - ASEAN và có hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế... tạo ưu thế về vị trí địa lý kinh tế trong tổng thể kinh tế của cả nước, xứng đáng là thành phố hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đà Nẵng là một trong những địa phương có tiềm năng lớn về phát triển du lịch, nhất là du lịch biển với khoảng 89 km bờ biển (tính theo mép nước); đồng thời có điều kiện thuận lợi để phát triển thành một trung tâm du lịch nhờ nằm giữa 6 di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) và di sản thiên nhiên được UNESCO công nhận là di sản

**2.2. Đánh giá thực trạng lợi thế cạnh tranh của Đà Nẵng**

**2.2.1. Lợi thế về vị trí địa kinh tế**

Đà Nẵng là trung tâm của Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung; có sân bay quốc tế gần, thuận tiện và nằm trong thành phố; có cảng biển có thể đón tàu trọng tải lớn vượt trội về vận tải hàng hóa nhanh chóng, dễ dàng đi các nơi cũng như là địa bàn hấp dẫn các nhà đầu tư muốn tận dụng thế mạnh của Đà Nẵng và hấp dẫn du khách.

Hệ thống giao thông thuận lợi, có các cảng biển, có hệ thống đường cao tốc kết nối với các



tỉnh xung quanh, cảng hàng không, đường sắt... Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu hoàn chỉnh như đường, điện, nước, bưu chính viễn thông... Có tuyến hàng lang hợp tác quốc tế (trong chiến lược hợp tác phát triển: hai hành lang, một vành đai giữa Việt Nam và Trung Quốc), gắn liền với chương trình hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS). Có vị trí đầu mối, có điều kiện trở thành trung tâm phát triển của khu vực các tỉnh Miền Trung.

Với vị trí địa kinh tế thuận lợi như vậy tạo điều kiện để phát triển các ngành lĩnh vực du khách thuận lợi tới các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước. Thu hút đầu tư, có thể phát triển các ngành đem lại giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất lao động, tăng thu ngân sách cho thành phố, để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội một cách hiệu quả.

Vị trí địa kinh tế còn thể hiện ở năng lực về cơ sở hạ tầng. Chỉ số này phản ánh sự sẵn có của cơ sở hạ tầng trong thu hút đầu tư, du lịch và triển vọng phát triển KTXH. Đà Nẵng luôn thể hiện sự vượt trội không những về vị thế địa kinh tế, chính trị mà còn ở khả năng sẵn sàng các điều kiện về cơ sở hạ tầng cho phát triển.

**Bảng 2:** Chỉ số cơ sở hạ tầng trong PCI so với các tỉnh khác (điểm)

STT	Tỉnh	2005 <sup>1</sup>	2010	2016
1	Đà Nẵng	8,42	72,23	73,83
2	Thừa Thiên Huế	4,50	61,27	61,85
3	Quảng Nam	3,52	63,86	65,21

Nguồn: [6]

### 2.2.2. Lợi thế cạnh tranh về du lịch

Cùng với sự gia tăng của số lượt khách, doanh thu du lịch và tổng thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch tại Đà Nẵng cũng gia tăng. Trong cụm điểm đến du lịch từ Huế đến Quảng Nam, tuy tính đặc trưng của nguồn tài nguyên du lịch Đà Nẵng có phần ít hơn song số lượng và chất lượng của tiện

ngi, hạ tầng du lịch và dịch vụ là một lợi thế. Các thành tựu về kinh tế - văn hóa - xã hội của Đà Nẵng mang lại cho thành phố lợi thế lớn trong việc phát triển du lịch. Năm 2012, sân bay quốc tế Đà Nẵng được xây dựng lại, nâng cấp lên giúp thực hiện quy trình nhập cảnh và xuất cảnh được nhanh chóng; các thiết bị, tiện nghi liên quan đến sự tiện lợi như vệ sinh, ăn uống, nghỉ ngơi, vận chuyển hành lý, bao gói hành lý được sắp xếp hợp lý. Từ Đà Nẵng có những chuyến bay quốc tế trực tiếp đi Singapore, Malaysia, Hàn Quốc... Hệ thống giao thông tốt cũng là một lợi thế của Đà Nẵng để rút ngắn thời gian di chuyển từ điểm này đến điểm khác. Hiện tại thành phố có khoảng 305 khách sạn với 9.615 phòng, trong đó số lượng khách sạn đạt chuẩn từ 3 sao trở lên đang dần tăng trong các năm gần đây, các thương hiệu lớn như Life Resort, Intercontinental Danang Sun Peninsula Resort, Hotel Novotel Danang Premier Han River, Hyatt Regency Danang Resort And Spa... lần lượt đến với thành phố đã làm gia tăng chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch. Việc tổ chức thành công các sự kiện như lễ hội pháo hoa, chương trình du lịch Bà Nà, du lịch biển... đã tạo nên thương hiệu du lịch riêng cho Du lịch Đà Nẵng.

Một nhân tố thể hiện lợi thế cạnh tranh của Du lịch Đà Nẵng chính là đảm bảo an toàn, an ninh và hạn chế rủi ro cho khách du lịch. Khẩu hiệu hành động đã trở thành hiện thực, “thành phố năm không ba có” đã trở thành “bản sắc” riêng, làm cho khách du lịch cảm nhận được sự an toàn trước khi đi du lịch. Việc Đà Nẵng được đánh giá là thành

1. 2005 điểm thành phần tính trên thang điểm 10; 2010 và 2016 tính trên thang điểm 100. Tuy nhiên yếu tố cấu thành chỉ số mỗi năm khác nhau. Ở đây chỉ làm tham khảo so sánh với các tỉnh còn lại để xem ưu thế về cơ sở hạ tầng

phổ đáng sống nhất cả nước đã tạo được ấn tượng lao động có thể lên đến 700 ngàn người trong đó cho khách du lịch phần lớn được đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực

**Bảng 3:** Đánh giá mức độ lợi thế về du lịch với một số tỉnh lân cận

Đặc điểm	Đà Nẵng	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi
Số lượng khách du lịch (triệu lượt người)	Nhiều 5,51	Trung bình 3,28	Nhiều 2,6	Thấp 0,7
Đóng góp vào GRDP (%)	Cao 5%	Trung bình 3%	Trung bình 2%	Thấp <1%
Sử dụng lao động trên tổng số lao động (%)	Trung bình	Cao	Trung bình	Trung bình
Doanh thu bình quân 1 lượt khách du lịch (1000 đồng)	1.097	853	950	450
Các loại phương tiện phục vụ du lịch (đường hàng không, đường bộ, đường biển, đường sắt)	Đủ	Đủ	Không có đường biển	Không có đường biển

Nguồn: [9 và xử lý của tác giả]

2.2.3. Lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực. của thành phố Đà Nẵng đảm bảo lợi thế cạnh tranh lớn so với các tỉnh lân cận. Đà Nẵng là nơi tập trung nhiều trường đại học và dạy nghề của khu vực miền trung. Với lực lượng

**Bảng 4:** Đánh giá về lao động

Đặc điểm	Đà Nẵng	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi
Lao động qua đào tạo nghề, %	>50%	30%	35%	30%
Lao động tốt nghiệp đại học trở lên, %	30%	20%	20%	15%
Số lượng các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn	24 <sup>2</sup>	11	6	5

Nguồn: [9 và xử lý của tác giả]

2. Tính cao đẳng đại học; bao gồm các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng và phân hiệu các trường Đại học tại các tỉnh



Ngoài ra có thể nhận thấy lợi thế cạnh tranh từ năng lực của lao động thông qua chỉ số năng lực đào tạo trong các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Thông qua những phân tích trên có thể thấy Đà Nẵng hiện nay đang có được rất nhiều lợi thế từ vị trí địa lý đến nhân lực cũng như thể chế chính sách của chính quyền địa phương mang lại cho

**Bảng 5:** Chỉ số năng lực đào tạo lao động từ PCI

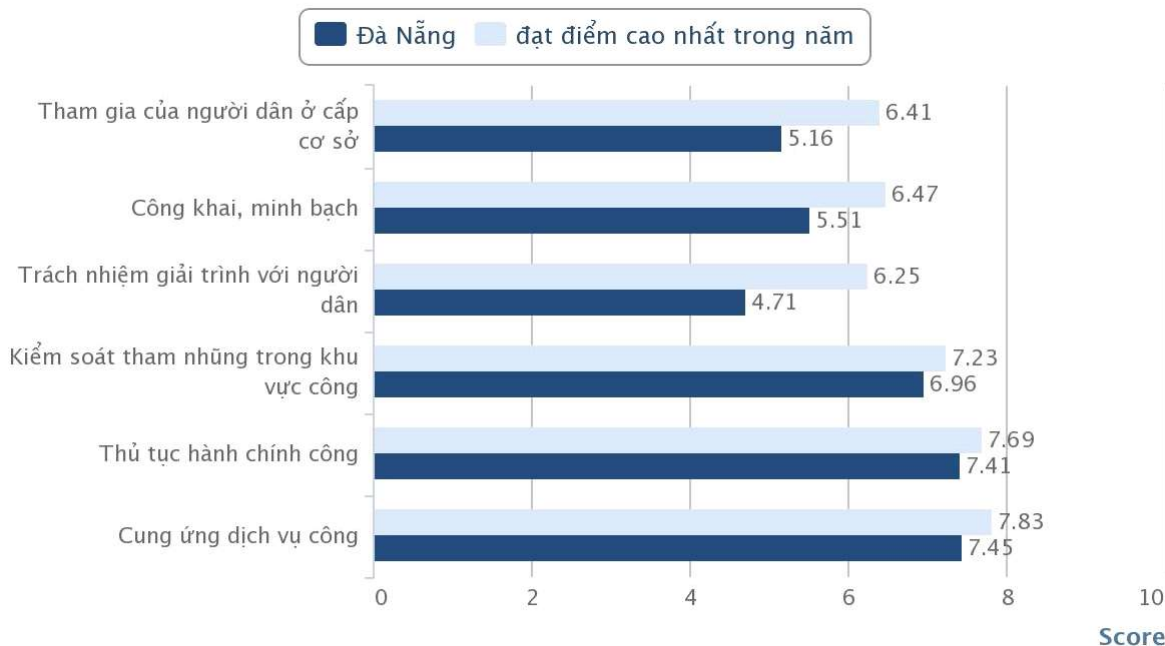
STT	Tỉnh	2005 <sup>3</sup>	2010	2016
1	Đà Nẵng	7,52	7,43	7,98
2	Thừa Thiên Huế	6,81	5,55	6,13
3	Quảng Nam	5,71	4,87	5,68

Nguồn: [6]

#### 2.2.4. Lợi thế cạnh tranh từ năng lực điều hành của chính quyền địa phương

Trong nhiều năm liên Đà Nẵng luôn được xếp thứ hạng cao nhất trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cũng như chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

kinh tế xã hội của Đà Nẵng. Để có thể phát triển nhanh và bền vững thì trong thời gian tới Đà Nẵng cần tiếp tục phát huy thế mạnh của mình và cũng cần nghiên cứu để tiếp tục có những giải pháp hữu ích phát huy lợi thế cạnh tranh sẵn có của mình.



Nguồn: [7]

**Hình 2:** Chỉ số PAPI Đà Nẵng năm 2017

3. 2005 chỉ số này là mức độ phát triển nguồn nhân lực

**3. Một số giải pháp phát huy lợi thế cạnh tranh của Đà Nẵng giai đoạn tới**

**3.1. Mục tiêu định hướng của Đà Nẵng**

Đà Nẵng phấn đấu đến năm 2030 trở thành thành phố hiện đại - thông minh, thành phố toàn cầu, có bản sắc và đáng sống. Được thể hiện qua các yếu tố chủ yếu sau:

- Sự năng động của chính quyền, xây dựng thể chế vượt trội, bảo đảm minh bạch, công khai và công bằng; được thực hiện thông qua bộ máy chính quyền đô thị, chính quyền điện tử.

- Cơ cấu kinh tế định hướng công nghệ hiện đại, với ba động lực phát triển là: (1) *Trung tâm hội nhập, hội tụ phát triển quốc tế - Trung tâm Logistics*; (2) *Trung tâm Du lịch Biển quốc tế* và (3) *Trung tâm đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp*. Gắn với cơ cấu kinh tế là hệ thống hạ tầng kết nối (giao thông - thông tin), cơ sở hạ tầng đô thị và hệ thống dịch vụ hiện đại.

- Kết nối (Giao thông và Công trình công cộng được bố trí hợp lý và hiện đại tạo thuận tiện di chuyển trong và ngoài thành phố; là địa điểm Trung tâm và cửa Vào - Ra cho Vùng KTTĐ miền Trung và Tây Nguyên). Tính kết nối sẽ thể hiện sự sôi động của thành phố Đà Nẵng.

- Thịnh vượng: nhiều cơ hội kiếm việc làm; môi trường thuận tiện cho phát triển doanh nghiệp và khởi nghiệp; đô thị hiện đại và năng động kiểu mẫu, có kiến trúc độc đáo. Tính thịnh vượng thể hiện năng lực cạnh tranh và tính hấp dẫn của thành phố Đà Nẵng.

- Bền vững: bao gồm bền vững môi trường và cảnh quan; bền vững về công nghệ; bền vững về văn hóa xã hội, bền vững về kinh tế. Tính bền vững thể hiện sự liên tục, đều đặn về sự ổn định, hài hòa.

**Bảng 6:** Định hướng phát huy lợi thế cạnh tranh

Yếu tố lợi thế	Định hướng phát huy để thúc đẩy phát triển kinh tế đến 2030
Vị trí địa lý	Trở thành Trung tâm của miền Trung và Tây Nguyên
Cảng biển và giao thương	Kinh tế hàng hải và Logistic
Sân bay và giao thương	Kinh tế hàng không
Tài nguyên du lịch gắn với vùng xung quanh	Du lịch tổng hợp chất lượng cao: DL biển - Sinh thái - tham quan di tích cổ - giải trí và chữa bệnh
Cơ sở khách sạn, Nhà hàng	Lưu trú chất lượng cao kết hợp hội nghị, hội thảo, hội chợ, Festival
Nhân lực	Phát triển công nghiệp công nghệ cao thuộc các lĩnh vực máy tính, máy y tế, khám chữa bệnh công nghệ cao
Đất xây dựng phi nông nghiệp	Phát triển hậu cảng cảng, sân bay, công nghiệp công nghệ cao
Năng lực quản trị	Thu hút FDI và các Tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam

*Nguồn: Tác giả*

- Có bản sắc văn hóa, tính nhân văn, hòa hợp với môi trường thiên nhiên; dân cư đô thị có phong cách sống văn minh - văn hóa, với quy mô dân số và cơ cấu dân cư hợp lý, chất lượng.

Ba chủ đề trọng tâm cho phát triển Đà Nẵng đến năm 2030:

**3.2. Các nhóm giải pháp**

**3.2.1. Về du lịch**

- Mục tiêu chung là xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố du lịch tầm cỡ trong khu vực và quốc tế, là điểm đến du lịch “xanh” hấp dẫn, an toàn, môi trường trong lành, con người thân thiện,

và văn minh. Phát triển du lịch Đà Nẵng thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, có đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm cho xã hội và có sức lan tỏa kéo theo nhiều ngành kinh tế khác cùng phát triển.

- Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ du lịch có chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế đáp ứng nhu cầu của các thị trường có khả năng chi trả cao, lưu trú dài ngày; là điểm đến có thương hiệu, hấp dẫn và có sức cạnh tranh cao trong khu vực nơi thường xuyên tổ chức các sự kiện lớn tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Phát triển Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch hàng đầu về du lịch tàu biển, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch công vụ (MICE), du lịch golf, du lịch kết hợp khám chữa bệnh chất lượng cao, du lịch văn hóa và ẩm thực biển của quốc gia và khu vực; ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn phù hợp với nhu cầu thị trường và mang đậm bản sắc văn hóa địa phương; chú trọng các sản phẩm và dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, du lịch đường sông, du lịch sinh thái và du lịch mua sắm.

- Phát triển Đà Nẵng thực sự trở thành trung tâm du lịch vùng với vai trò là “Cửa đến” của vùng đã được xác định trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, tăng cường chủ động liên kết với các địa phương trong vùng miền Trung, đặc biệt là Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam trong kết nối hạ tầng, phát triển sản phẩm và xúc tiến quảng bá du lịch; trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch.

### 3.2.2. Về dịch vụ logistics

- Hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, liên thông, hỗ trợ lẫn nhau của Đà Nẵng. Áp dụng hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại nhưng phù hợp với Đà Nẵng và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong bối cảnh cách mạng 4.0 (cần nhắc các phương thức giao thông mới như tàu điện ngầm, đường sắt trên cao, xe điện).

- Hướng đến hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung, trong đó lấy thành phố Đà Nẵng là trung tâm logistics với hệ thống các cảng biển (Tiên Sa, Liên Chiểu) và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng là cửa ngõ giao nhận, vận chuyển với các địa phương, với các quốc gia trong khu vực ASEAN và quốc tế.

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, chi phí hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển chuỗi cung ứng dịch vụ logistics. Tập trung đẩy mạnh phát triển và cải thiện chất lượng các dịch vụ hiện có (bao gồm vận tải đường bộ, vận tải đa phương thức, bốc xếp, đóng gói, kho bãi, trung gian thanh toán ...) để tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên biệt bằng việc đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn của các Hiệp hội logistics; chú trọng nhiều hơn vào phương thức đầu tư thông qua các dự án hợp tác công tư (PPP).

### 3.2.3. Về phát triển đô thị Đà Nẵng

- Phát triển vai trò của Đô thị hạt nhân trong chuỗi đô thị miền Trung

Trong vài thập niên vừa qua, Đà Nẵng là một trong những đô thị phát triển nhanh chóng hàng đầu trên cả nước. Dù hiện nay chỉ mới là một trong ba đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương và là đô thị lớn thứ tư của Việt Nam, nhưng nếu có một chiến lược phát triển phù hợp, thì thành phố Đà Nẵng hoàn toàn có tiềm năng trở thành đô thị hạt nhân của chuỗi các đô thị Huế - Đà Nẵng - Chu Lai Kỳ Hà - Dung Quất (Vạn Tường) - Quy Nhơn và hình thành vùng đô thị Đà Nẵng, bao gồm Chân Mây Lăng Cô - Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An - Nam Hội An. Khi đó, vị trí và vai trò của Đà Nẵng sẽ là một đô thị đặc biệt trực thuộc Trung ương của Việt Nam, như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Bằng một số giải pháp phát huy lợi thế cạnh tranh, mục tiêu tổng quát đặt ra trong phát triển KT-XH thành phố Đà Nẵng cho giai đoạn đến 2030 là xây dựng trở thành một thành phố công nghiệp, dịch vụ, văn minh, hiện đại, môi trường sạch, mức sống dân cư cao, là một trong những trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của khu vực và của cả nước; nâng cao rõ rệt mức sống nhân dân; bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh. Xây dựng cơ sở vật chất, đặt nền móng hướng tới trở thành trung tâm kinh tế có tầm ảnh hưởng lớn tới khu vực miền Trung, Tây Nguyên. ♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Đình Dương (2014), *Một số vấn đề về năng lực cạnh tranh của thành phố Hà Nội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Bách Khoa (2004), *Phương pháp luận xác định năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp*, Tạp chí Khoa học Thương mại số 4+5.
3. Phạm Thị Bích Loan (2013), *Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo cách tiếp cận toàn cầu, Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 3*, NXB Thống kê.
4. Micheal E.Porter (2012), *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, NXB Trẻ.
5. Nguyễn Văn Thanh (2004), *Một số vấn đề về năng lực cạnh tranh và năng lực cạnh tranh quốc gia*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 317 - Tháng 10/2004.
6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*.
7. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI).
8. UBND thành phố Đà Nẵng, *Quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2030* (dự thảo).
9. Niên giám thống kê các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

**Summary**

Da Nang is one of the few provinces with the most dynamic development in Vietnam. In the process of development, Danang is considered as a place with great potential and strength compared to many other coastal areas in Central Vietnam. With advantages such as having a sea-port from the very early days, an international airport and an outstanding technical infrastructure system, being center for a large number of training and scientific research centers, high quality human resource, favorable living conditions, many people want to live in that city. However, these advantages have been evaluated and promoted effectively or not is still a question for administrators. GRDP per capita in Danang is about 1.2 times higher than the neighboring provinces and only accounts for more than 1% of the national economy (not equal to the position, strengths and potentialities of the city). How to bring into play the comparative advantages and competitive advantages of Da Nang so that this city deserves "the most worthy place in Vietnam" is a matter that needs to be clarified, creates more scientific basis for the city authority to outline its policies and guidelines for economic development and making good and timely decisions in promoting the competitive advantage and mobilizing resources to modernize the city in the global context with the powerful impact of the industrial revolution 4.0.